

Họ và tên học sinh: Lớp: SBD:

Điểm:	Nhận xét:	1. Người chấm:	1. Người coi KT:
			
		2. Người chấm:	2. Người coi KT:
			

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm) Khoanh vào chữ cái trước kết quả đúng.

Câu 1: (0,5 điểm) 58% viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 0,58 B. 0,058 C. 5,08 D. 5,8

Câu 2: (0,5 điểm) Chữ số 5 trong số thập phân 39,185 có giá trị là:

- A. 0,0005 B. 5000 C. 0,005 D. 0,05

Câu 3: (0,5 điểm) $46m^2 7dm^2 = \dots\dots dm^2$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 46,7 B. 467 C. 4607 D. 4670

Câu 4: (0,5 điểm) $59m^3 15dm^3 = \dots\dots m^3$. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 59,15 B. 591,5 C. 5,915 D. 59,015

Câu 5: (0,5 điểm) 207 giây = phút. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 3,45 B. 34,5 C. 3 D. 30,45

Câu 6: (0,5 điểm) 2,8 giờ = giờ phút. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm là:

- A. 2 giờ 8 phút C. 3 giờ 38 phút
B. 2 giờ 24 phút D. 2 giờ 48 phút

Câu 7: (0,5 điểm) a) Kết quả của phép cộng: 7 năm 8 tháng + 3 năm 7 tháng là:

- A. 10 năm 14 tháng C. 11 năm 3 tháng
B. 10 năm 3 tháng D. 4 năm 3 tháng

Câu 8: (0,5 điểm) Kết quả của phép nhân: 8,5 giây x 3 là:

- A. 255 giây B. 25,5 giây C. 2,55 giây D. 2550 giây

Câu 9: (1,0 điểm) Diện tích của hình tam giác có đáy 7cm và chiều cao 5cm là:

- A. $175cm^2$ B. 70 cm C. 17,5 cm D. $17,5cm^2$

Câu 10: (1,0 điểm) Thể tích của hình lập phương có diện tích toàn phần $600cm^2$ là:

- A. $100 cm^3$ B. $100 cm^2$ C. $1000 cm^3$ D. $1000 cm^2$

II. PHẦN TỰ LUẬN (4,0 điểm)

6 giờ 23 phút - 2 giờ 45 phút

2 giờ 18 phút x 9

	hay		×	
--	-----	--	---	--

Câu 2: (1,0 điểm) Tính:

$$(18,84 + 55,2 : 2,4) - 1,638$$

Câu 3: (1,0 điểm) Một bể kính nuôi cá dạng hình hộp chữ nhật không nắp có chiều dài 2,3m; chiều rộng 1,5m và chiều cao 0,9m. Tính diện tích kính dùng làm bể cá đó.

Bài giải

Câu 4: (1,0 điểm) Tìm x:

$$x \times 1,8 + x \times 5,3 + x \times 2,9 = 540$$

-----*Hết*-----